TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CP** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2023/DS-ST
Ngày: 10/02/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phượng;

2. Ông Lê Trung Thành.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thùy Dương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 494/2022/QĐXXST-DS ngày 22/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-DS ngày 13/01/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Phạm Quan G,** sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: ấp Vĩnh Thành, xã VX, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn*: Ông **Huỳnh Điền H**, sinh năm 1970, địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Thiện, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa ông G có mặt, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2022 và quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn ông Phạm Quan G trình bày:

Do được người quen giới thiệu, vào ngày 25/7/2019 ông Phạm Quan G có cho ông Huỳnh Điền H vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), vay một lần và ông G đã đưa đủ tiền cho ông H. Hai bên đã ký Hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2019, công chứng số 288, quyển số 01/2019 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Đỗ Thị Kim Thuận tại thành phố Cần Thơ (sau đây gọi tắt là

Hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2019). Theo hợp đồng vay tiền, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 10 tháng kể từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực, lãi suất thỏa thuận, mục đích vay để kinh doanh. Nhưng trên thực tế hai bên không có thỏa thuận mức lãi suất cụ thể, mà khi vay ông H hứa phần tiền lãi đưa cho ông G là 250.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Roots Vip (công ty của ông H) để sau này bán lại được hưởng lợi hoặc ông G được mua 1.000m^2 đất, nếu không mua đất thì sẽ được nhận 300.000.000 đồng. Tuy nhiên từ khi vay đến nay, ông H chưa trả được một khoản tiền lãi nào cho ông G theo thoả thuận đã hứa.

Đối với số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng, khi vay ông H thoả thuận mỗi tháng sẽ trả 100.000.000 đồng cho ông G, trả từng tháng cho đến khi hết thời hạn vay là hết số tiền nợ. Nhưng đến nay, ông H vẫn chưa trả đủ số tiền nợ gốc cho ông G mà chỉ trả từng lần, mỗi lần trả số tiền khác nhau, hai tháng đầu thì trả 200.000.000 đồng, những tháng tiếp theo mỗi tháng trả vài chục triệu đồng, có khi vài triệu đồng, lần cuối cùng vào ngày 15/8/2022, ông H trả được thêm 6.500.000 đồng, tổng cộng số tiền nợ gốc ông H đã trả được cho ông G là 395.200.000 đồng (trả nhiều lần cộng lại). Hiện ông H còn nợ lại ông G số tiền nợ gốc 604.000.000 đồng (do ông G không tính số lẻ, làm tròn số tiền nợ còn 604.000.000 đồng).

Đã nhiều lần ông G liên hệ với ông H yêu cầu trả số tiền nợ gốc còn lại nhưng ông H cố tình trốn tránh, không thực hiện việc trả nợ. Nay ông G khởi kiện yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả cho ông G số tiền nợ gốc 604.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn triệu đồng) và yêu cầu ông H trả số tiền lãi phát sinh cho ông G theo mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày vay 25/7/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án, do kể từ ngày vay đến nay ông H chưa trả tiền lãi cho ông G lần nào.

Về địa chỉ cư trú của bị đơn ông H, phía nguyên đơn ông G cho rằng đã cung cấp địa chỉ trong đơn khởi kiện đúng với địa chỉ mà ông H đã cung cấp khi ký Hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2019 tại Văn phòng công chứng Đỗ Thị Kim Thuận nên ông G đề nghị Tòa án căn cứ vào địa chỉ của bị đơn mà ông H đã cung cấp trong Hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2019 để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2019 được công chứng theo số công chứng 288, quyển số 01/2019 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Đỗ Thị Kim Thuận, thành phố Cần Thơ (bản photo – đã đối chiếu bản chính); Bản tự khai của ông G đề ngày 03//10/2022; Giấy căn cước công dân Phạm Quan G (Bản photo); Giấy chứng minh nhân dân Huỳnh Điền H (Bản photo); Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của Công ty Roots Vip (Bản photo – đã đối chiếu bản chính).

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Huỳnh Điền H nhưng ông H vẫn vắng mặt, không có lý do, không gửi văn trình bày kiến về vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có đơn xin vắng mặt.

* Tòa án tiến hành xác minh vào ngày 23/11/2022 thì được biết ông H có đăng ký thường trú tại ấp Mỹ Thiện, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang. Tuy nhiên,

tại thời điểm xác minh ông H không còn sinh sống tại địa phương, đã bỏ địa phương đi khoảng 02 đến 03 năm nay, không rõ đi đâu, làm gì, ở đâu.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn ông Phạm Quan G trình bày: Về nội dung vụ án, ông vẫn giữ ý kiến trình bày như trong quá trình chuẩn bị xét xử. Ông trình bày thêm, sau khi ông H ngưng trả nợ, ông có đi tìm ông H theo địa chỉ Công ty Roots Vip mà ông H đưa cho ông tờ giấy cổ phần thì được biết địa chỉ đó ông H thuê được 02 – 03 tháng rồi trả mặt bằng, dọn đi nơi khác, không còn hoạt động. Giấy cổ phần mà ông H đưa cũng không có giá trị sử dụng, có người quen nói ông H đang ở Bình Dương, ông cũng tìm tới nhưng không liên lạc được. Do đó, ông vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông Huỳnh Điền H trả cho ông một lần số tiền nợ gốc còn lại là 604.000.000 đồng. Về yêu cầu tính lãi, ông G thay đổi yêu cầu tính lãi theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2022, nay ông yêu cầu ông H trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do pháp luật quy định trên số tiền nợ gốc còn lại kể từ ngày vay 25/7/2019 cho đến ngày giải quyết xong vụ án. Ông G cung cấp thêm Giấy căn cước công dân (mới) của ông số 080074000294 cấp ngày 14/12/2022 (bản photo – đã đối chiếu bản chính).

- Bị đơn ông Huỳnh Điền H: Vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án và nêu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Đối với người tham gia tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có lý do, không có đơn xin vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 .

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 604.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất do pháp luật quy định là 10%/năm kể từ ngày vay 25/7/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí sơ thẩm: đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông Phạm Quan G khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Điền H trả số tiền nợ vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2019 nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản";* Bị đơn ông H có nơi cư trú tại xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về địa chỉ cư trú của bị đơn:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú của bị đơn ông Huỳnh Điền H tại ấp Mỹ Thiện, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang. Qua xác minh, được biết ông H đăng ký thường trú tại địa chỉ nêu trên nhưng tại thời điểm xác minh, ông H không có mặt tại địa phương, đã bỏ địa phương đi khoảng 02 đến 03 năm nay, không rõ đi đâu, làm gì, ở đâu. Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2019, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú mà bị đơn đã cung cấp khi ký hợp đồng nhưng bị đơn đã tự bỏ địa phương đi, thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn, cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, làm cho nguyên đơn không biết nơi cư trú, nơi làm việc mới của bị đơn. Trường hợp này được xác định là bị đơn cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 5, điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân dự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông G có mặt, bị đơn ông H vắng mặt lần thứ hai, không có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.4] Về phạm vi khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu ông H trả số tiền nợ vay gốc 604.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 25/7/2019 cho đến

khi giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 604.000.000 đồng, riêng về yêu cầu tính lãi, nguyên đơn thay đổi yêu cầu so với khởi kiện ban đầu là yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất do pháp luật quy định kể từ ngày 25/7/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không vượt phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 5, Điều 188, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi về yêu cầu tính lãi này của nguyên đơn.

[1.5] Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2019 mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết, xét đây là giao dịch dân sự được xác lập sau ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng quy định pháp luật của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là đúng theo quy định.

[1.6] Về xác định chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn ông G khởi kiện yêu cầu bị đơn ông H trả số tiền nợ vay gốc còn lại 604.000.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2019, có chữ ký, họ tên của Huỳnh Điền H và Giấy chứng minh nhân dân của ông Huỳnh Điền H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn biết, trong đó có nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn cung cấp. Nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối hay có yêu cầu gì khác nên thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 93 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xác định chứng cứ trong vụ án là Hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2019 do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được để làm cơ sở xem xét, giải quyết vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về yêu cầu trả số tiền nợ gốc:

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2019 do nguyên đơn cung cấp, thể hiện việc ông Huỳnh Điền H có vay số tiền 1.000.000.000 đồng của ông Phạm Quan G, thời hạn vay là 10 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, mục đích vay là để kinh doanh, phần lãi suất ghi theo thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án, ông H không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì đối với Hợp đồng vay tiền do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời Hợp đồng vay tiền này đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Đỗ Thị Kim Nhuần. Qua đó, có cơ sở xác định giữa ông G và ông H thực tế có xác lập hợp đồng vay tài sản (vay tiền) có kỳ hạn và có lãi trên cơ sở tự nguyện, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; có hình thức phù

hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 385, Điều 398; Điều 401, Điều 463, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2019 giữa ông G và ông H có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 25/7/2019, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận và theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi vay đến nay, ông G cho rằng ông H có trả cho ông một phần số tiền nợ gốc tổng cộng 395.200.000 đồng, còn nợ lại 604.800.000 đồng nhưng ông G chỉ yêu cầu ông H trả số tiền nợ gốc 604.000.000 đồng cho ông G (do ông G không tính số lẻ, làm tròn số tiền nợ còn lại là 604.000.000 đồng). Việc ông H trả một phần số tiền nợ gốc 395.200.000 đồng là do ông G tự nguyện khai, mặc dù ông H không có ý kiến nhưng xét thấy việc khai này có lợi cho ông H nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến này của ông G, xác định số tiền nợ gốc còn lại mà ông H còn nợ ông G là 604.000.000 đồng.

Đến nay đã hết thời hạn vay, ông H vẫn không thanh toán đủ số tiền nợ còn lại cho ông G là vi phạm theo thỏa thuận và vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định. Do đó, căn cứ vào Điều 280, Điều 351, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông G về việc buộc bị đơn ông H có nghĩa vụ trả cho ông G số tiền nợ gốc 604.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn triệu đồng) là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu trả tiền lãi:

Xét thấy, Hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2019 là Hợp đồng vay có thỏa thuận thời hạn và thỏa thuận lãi nhưng không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể, theo ông G trình bày kể từ khi vay đến nay, ông chưa nhận được khoản tiền lãi nào từ ông H. Quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng không có ý kiến gì về phần tiền lãi. Do đó, căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, do bị đơn ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông G yêu cầu ông H trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay 25/7/2019 đến ngày giải quyết xong vụ án là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về mức lãi suất, căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 25/7/2019, lời khai và yêu cầu của ông G và quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 2, điểm b khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dân áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Xét thấy, đây thuộc trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ. Do đó, Hội

đồng xét xử xác định mức lãi suất được áp dụng để tính số tiền nợ lãi trong vụ án này là 10%/năm.

Thời gian tính lãi được tính từ ngày 25/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/02/2023 là 03 năm 06 tháng 02 tuần 03 ngày, tương đương 1.297 ngày.

Số tiền nợ lãi được tính = số tiền nợ gốc 604.000.000 đồng x 10%/năm x 1.297 ngày = 214.626.849 đồng, làm tròn số thành 214.627.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

Như vậy, bị đơn ông H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông G số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 818.627.000 đồng (Tám trăm mười tám triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 604.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 214.627.000 đồng.

[2.2] Do bị đơn ông H bị buộc nghĩa vụ trả tiền nên căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

[2.3] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.080.000 đồng (Mười bốn triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số: 0004859 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Buộc bị đơn ông Huy phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 36.559.000 đồng (làm tròn số từ 36.558.810 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 5, điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân dự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 2, điểm b khoản 2 Điều 5 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quan G đối với bị đơn ông Huỳnh Điền H:

Buộc bị đơn ông Huỳnh Điền có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Phạm Quan G số tiền tổng cộng là 818.627.000 đồng (Tám trăm mười tám triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 604.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn triệu đồng), số tiền nợ lãi là 214.627.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Huỳnh Điền H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 36.559.000 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm năm mươi chín ngàn đồng).

Nguyên đơn ông Phạm Quan G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Phạm Quan G số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 14.080.000 đồng (Mười bốn triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0004859 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều

468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND HCP;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- Thi hành án DS HCP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng .

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Dương Thùy Dung